TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22/8/2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tòng Thị P, sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản X, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cà Văn N, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản X, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năn 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị P trình bày như sau:

Chị Tòng Thị P và anh Cà Văn N kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 07/01/2014. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên vãi vã, đánh chửa nhau. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị P xác định không còn tình cảm với anh N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Cà Bảo Nam sinh ngày 31/10/2014 và cháu Cà Thị Khánh Huyền sinh ngày 27/7/2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động. Chị P yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mức 1.000.000VNĐ/1 tháng/ 1 cháu.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2023, anh Cà Văn N trình bày như sau:

Anh Cà Văn N và chị Tòng Thị P kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 07/01/2014. Anh chị được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P ngoại tình, anh chị sảy ra cãi vã nên chị P bỏ về nhà ngoại sinh sống từ đó đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P anh N đồng ý vì xác định không thể tiếp tục chung sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Cà Bảo Nam sinh ngày 31/10/2014 và cháu Cà Thị Khánh Huyền sinh ngày 27/7/2016. Sau khi ly hôn để không ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, anh đồng ý giao hai con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mức 1.000.000VNĐ/1 tháng/ 1 cháu.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án N dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn N của vợ chồng theo Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể, đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa P nơi vợ chồng cư trú. Yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người

tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56; 81; 82; 83; 110 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Về tình cảm: Xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Cà Văn N.

Về con chung: Giao cháu Cà Bảo Nam sinh ngày 31/10/2014 và cháu Cà Thị Khánh Huyền sinh ngày 27/7/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Nam, cháu Huyền trưởng thành và có khả năng lao động. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mức 1.000.000VNĐ/1 tháng/1 cháu đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí yêu cầu xin ly hôn, bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 17/7/2023, chị Tòng Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Cà Văn N, có nơi cư trú bản X, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Quá trình giải quyết vụ án, có tranh chấp với nhau về quan hệ hôn N. Tòa án N dân huyện Mai Sơn thụ lý giải quyết vụ án hôn N và gia đình về việc xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt, bị đơn có ý kiến đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn

[2.1] Về hôn N: Chị Tòng Thị P và anh Cà Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 07/01/2014. Do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp.

Theo chị P anh chị nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã, xô sát nhau. Theo anh N mâu thuẫn sảy ra do chị P ngoại tình. Anh chị sống ly thân thời gian đã lâu không ai quan tâm đến ai. Anh chị đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống. Chị P

cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh N đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị P.

Kết quả xác minh tại ban quản lý bản X, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn xác định: Anh N chị P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại bản X, xã Mường Bằng. Hiện nay chị P và anh N không còn chung sống với nhau. Anh chị không qua hòa giải tại địa P nên Ban quản lý không nắm được nguyên N mâu thuẫn vợ chồng anh chị. Anh chị có hai con chung hiện ở cùng chị P.

Thời gian ly thân hai bên không liên lạc, không gặp gỡ và quan tâm gì đến nhau. Quá trình Tòa án tiến giải quyết vụ án, chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào tình trạng hôn N thực tế của anh chị, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn N không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh N.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Cà Bảo Nam sinh ngày 31/10/2014 và cháu Cà Thị Khánh Huyền sinh ngày 27/7/2016. Hai bên đều đồng ý giao cháu Nam, cháu Huyền cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mức 1.000.000VNĐ/1 tháng/ 1 cháu. Về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị là phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị P anh N xác định không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[2.4] Về án phí, lệ phí Tòa án: Chị P chịu án phí hôn N gia đình sơ thẩm 300.000VNĐ. Anh N chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000VNĐ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; Điều 81; 82; 83; 110 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn N: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Cà Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Cà Bảo Nam sinh ngày 31/10/2014 và cháu Cà Thị Khánh Huyền sinh ngày 27/7/2016 cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nam, cháu Huyền trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mức 1.000.000VNĐ/1 tháng/ 1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2023 đến khi cháu Nam, cháu Huyền trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn N và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí:

Chị P phải chịu án phí hôn N gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003657 ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000VNĐ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Tòa án N dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã Mường Bon, Mai Sơn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN MAI SƠN TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án N dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 224/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tòng Thị P, sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản X, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cà Văn N, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản X, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng

- Các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; Điều 81; 82; 83; 110 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn N:

Xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị P và anh Cà Văn N.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung:

Giao cháu Cà Bảo Nam sinh ngày 31/10/2014 và cháu Cà Thị Khánh Huyền sinh ngày 27/7/2016 cho chị Tòng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nam, cháu Huyền trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mức 1.000.000VNĐ/1 tháng/ 1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2023 đến khi cháu Nam, cháu Huyền trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn N và gia đình năm 2014.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí.

Chị P phải chịu án phí hôn N gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003657 ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000VNĐ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA